

Số/No.: 06/2025/CV-QNW

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2025
Quang Ninh, March 21st, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội / *Ha Noi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH/ QUANG NINH MINERAL WATER JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/ *Stock code:* QHW

- Địa chỉ/*Address:* Tổ 3A, Khu 4, phố Suối Mơ, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/*Group 3A, Zone 4, Suoi Mo Street, Bai Chay Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province, Viet Nam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 0203 3846799

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh công bố Báo cáo thường niên năm 2024.
Quang Ninh Mineral Water Joint Stock Company discloses the Annual Report for 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/3/2025 tại đường dẫn <https://www.nuockhoangquangninh.com.vn/co-dong/cong-bo-thong-tin>

This information was published on the company's website on March 21st, 2025 as in the link <https://www.nuockhoangquangninh.com.vn/co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/*Legal representative/*



NGUYỄN THIỆU NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Năm 2024

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 3 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển..... | 3 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh..... | 4 |
| 4. Hệ thống phân phối hàng hóa..... | 4 |
| 5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh | 5 |
| 6. Sản phẩm của Công ty..... | 5 |
| 7. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6 |
| 8. Định hướng phát triển của Công ty | 6 |
| 9. Các rủi ro:..... | 7 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 | 8 |
| 1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 | 8 |
| 2. Tổ chức và nhân sự: | 10 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:..... | 13 |
| 4. Tình hình tài chính | 13 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 15 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:..... | 16 |
| III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:..... | 17 |
| 1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024..... | 17 |
| 2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2024..... | 18 |
| 3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2025 | 18 |
| IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 19 |
| 1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024..... | 19 |
| 2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024 | 19 |
| 3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:..... | 19 |
| 4. Mục tiêu và kế hoạch cần thực hiện trong năm 2025:..... | 20 |
| V. QUẢN TRỊ CÔNG TY: | 20 |
| 1. Hội đồng Quản trị:..... | 20 |
| 2. Ủy ban kiểm toán: | 24 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc:..... | 25 |
| VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024 ĐƯỢC KIỂM TOÁN:..... | 26 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**
(hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/9/2004, cập nhật thay đổi từng thời điểm).

Tên tiếng Anh : QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION

Tên viết tắt : QNWCORP

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)


Vốn đầu tư chủ sở hữu : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)

Trụ sở chính : Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 0203.3846799

Website : <https://www.nuockhoangquangninh.com.vn>



Logo : 

Người đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mã cổ phiếu : QHW.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Nước khoáng Quảng Ninh, được thành lập ngày 17/7/1989 theo Quyết định số 381/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 1993, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được sáp nhập vào Công ty Duyên Hải Quảng Ninh theo Quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 15/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và trở thành một đơn vị thành viên của Công ty Duyên Hải Quảng Ninh trực thuộc Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2002, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được tách ra và đổi tên thành Công ty Nước khoáng Quảng Ninh theo Quyết định số 463/QĐ-UB ngày 28/1/2002 và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quảng Ninh theo Quyết định số 2492/QĐ-UB ngày 26/7/2004 và trực thuộc văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2006, Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng Quảng Ninh được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo Quyết định số 32 – QĐ/VPTU ngày 10/01/2006 của Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Ninh.
- Ngày 19/10/2015, Tỉnh ủy Quảng Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Nước khoáng và Thương mại, Dịch vụ Quảng Ninh thành công ty cổ phần tại Quyết định số 03-QĐ-TU. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

- Ngày 02/12/2015, Công ty đã phối hợp với CTCP Chứng khoán Bản Việt thực hiện bán đấu giá công khai thành công 159.100 cổ phần (chiếm 1,99% vốn điều lệ) tại CTCP Chứng khoán Bản Việt (do tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng) với giá khởi điểm 11.100 đồng/cổ phần. Giá đấu thành công cao nhất: 13.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 11.100 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 11.421 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/12/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- Ngày 22/12/2016: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (“UPCOM”) do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức.

3. Ngành nghề kinh doanh

| STT | MÃ NGÀNH | TÊN NGÀNH |
|-----|--------------|---|
| 1 | 1104 (chính) | <i>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</i> |
| 2 | 3600 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |
| 3 | 4633 | Bán buôn đồ uống |
| 4 | 4723 | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 5 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| 6 | 8110 | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp |
| 7 | 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu |

4. Hệ thống phân phối hàng hóa

- Bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý tiên tiến, sản phẩm của Công ty hiện được tiêu thụ chính tại thị trường nội địa khu vực miền Bắc thông qua hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được tích hợp vào mạng lưới phân phối đồ uống rộng lớn của Tập đoàn Masan.



- Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Tập đoàn Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với các trung tâm phân phối hàng hóa khắp các tỉnh thành trên toàn quốc; hơn 313.000 điểm bán lẻ truyền thống và hơn 6.700 điểm bán lẻ hiện đại.
- Bên cạnh đó, Tập đoàn Masan hiện đang sở hữu mạng lưới với hơn 3.000 siêu thị WinMart và cửa hàng WinMart+ phủ rộng khắp Việt Nam đã giúp các sản phẩm của Công ty tiếp cận với người tiêu dùng một cách nhanh nhất thông qua kênh bán hàng siêu thị hiện đại.

- Hiện Công ty chưa thực hiện hoạt động xuất khẩu sản phẩm.

5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh

| STT | Tên nhà máy/cơ sở sản xuất | Diện tích đất sử dụng (m ²) | Diện tích nhà (m ²) | Mục đích sử dụng đất |
|------------------|--|---|---------------------------------|--|
| 1 | Văn phòng Công ty: Tổ 3A, khu 4, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh (<i>trụ sở chính</i>) | 2.856,1 | 2.209,4 | Trụ sở làm việc văn phòng Công ty |
| 2 | Phân xưởng Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh | 2.855 | 2.170 | Phân xưởng sản xuất Suối Mơ |
| 3 | Khu giếng khoan Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh | 360 | - | Khu giếng khoan |
| 4 | Tuyến ống dẫn nước Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh | 1.160 | - | Tuyến ống dẫn nước |
| 5 | Phân xưởng Quang Hanh – Tổ 5, Khu 4B, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | 2.001 | 2.128,5 | Phân xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh |
| 6 | Khu phụ trợ sản xuất phân xưởng Quang Hanh - Tổ 3, Khu 4A, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh | 5.176,6 | 1.008 | Nhà xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh |
| Tổng cộng | | 14.408,7 | 7.515,9 | |

6. Sản phẩm của Công ty

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chủ yếu sản xuất và kinh doanh nước khoáng được khai thác từ nguồn suối khoáng tại Quảng Ninh. Các sản phẩm sản xuất chính hiện nay bao gồm:



Tên sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh bổ sung ga

Quy cách đóng gói: chai nhựa 500ml

Đây là một sản phẩm hoàn toàn có nguồn gốc từ thiên nhiên, với hàm lượng khoáng hóa cao dễ phân biệt so với bất kỳ loại nước khoáng khác. Một sản phẩm của thiên nhiên ban tặng chỉ riêng có ở Quảng Ninh.

Tên sản phẩm: Nước uống chứa khoáng thiên nhiên Faith có ga

Quy cách đóng gói: chai nhựa 355ml

Nước khoáng được bổ sung các yếu tố vi lượng cung cấp một số khoáng chất cần thiết cho cơ thể, vị chanh muối dễ uống.



Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 18.9L

Quy cách đóng gói: bình 18,9 lít.

Gồm loại bình có van mở tiện lợi để dùng cho gia đình và loại bình không có vòi rót dùng cho máy nóng lạnh chuyên dùng.

7. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Công ty có cơ cấu gồm các phòng ban chuyên môn và 02 phân xưởng sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
 - Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 06 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị từ năm 2020 đến năm 2025.
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

8. Định hướng phát triển của Công ty

📌 Kế hoạch tổ chức thị trường

- Giữ vững và ổn định các khu vực thị trường truyền thống, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xu thế thị trường.

- Công ty đặt ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường từ Đà Nẵng trở vào, đây là những vùng thị trường với đặc điểm khí hậu có thời tiết nắng nóng quanh năm, có tiềm năng rất cao trong việc tiêu thụ các sản phẩm từ nguồn nước khoáng Quang Hanh, tạo điều kiện duy trì công tác sản xuất liên tục cho Công ty trong những tháng mùa đông.

Kế hoạch về sản phẩm

➤ *Đối với các sản phẩm truyền thống*

- Thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có.
- Duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng, từ đó Công ty phát triển các sản phẩm mới có tính kế thừa từ các nguồn nước khoáng sẵn có mà Công ty đang quản lý khai thác.

➤ *Đối với công tác phát triển sản phẩm mới*

- Việc được quản lý khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên từ nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh là một lợi thế riêng có của Công ty. Đây cũng là điều kiện đủ quan trọng nhất để Công ty tập trung nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới có giá trị thương mại cao.
- Sản phẩm mới sẽ được phát triển trên cơ sở đánh giá phân khúc khách hàng, theo thị trường tiêu thụ nhưng phải đảm bảo được yếu tố đặc thù riêng có của từng nguồn nước khoáng thiên nhiên mà Công ty đang quản lý khai thác.

Kế hoạch về tài chính

- Tối ưu các chính sách về vay vốn, giảm thuế của Nhà nước cũng như các ưu đãi khác của địa phương trong lĩnh vực đầu tư, phát triển sản phẩm.
- Tăng vòng quay vốn nhất là vốn thuộc các sản phẩm có giá trị thương mại cao thông qua việc cải thiện, tự động hóa quy trình sản xuất, tiết giảm chi phí, đẩy mạnh bán hàng và thu tiền khách hàng. Phân đầu tăng vòng quay vốn đầu tư cho bao bì luân chuyển thông qua công tác quản lý thu hồi và sử dụng bao bì luân chuyển để sử dụng tối ưu nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đa dạng hóa các phương thức thanh toán linh hoạt đối với các nhà cung cấp, tận dụng tốt nhất khả năng có thể đối với nguồn vốn vật tư thông qua các nhà cung cấp nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, tập trung cho công tác mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

9. Các rủi ro:

- **Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào:** giá nguyên liệu đầu vào biến động tăng làm ảnh hưởng đến chính sách giá bán của Công ty.
- **Rủi ro cạnh tranh:** thị trường nước giải khát là thị trường rất nhiều tiềm năng do đó tạo nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành: vừa phải cung cấp được sản phẩm an toàn thực phẩm, chất lượng vừa phải có giá bán hợp lý để thu hút người tiêu dùng. Điều này khiến việc giữ và phát triển thị trường ngày càng khó khăn hơn.

- **Rủi ro bất khả kháng:** Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, cháy nổ,...là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024

- a) Năm 2024, mặc dù Công ty không đạt được mức lợi nhuận như kế hoạch ban đầu, nhưng tập thể Công ty đã vượt qua một số khó khăn, thách thức và triển khai các biện pháp cải thiện trong năm tiếp theo để đạt được các mục tiêu dài hạn, cụ thể như sau:

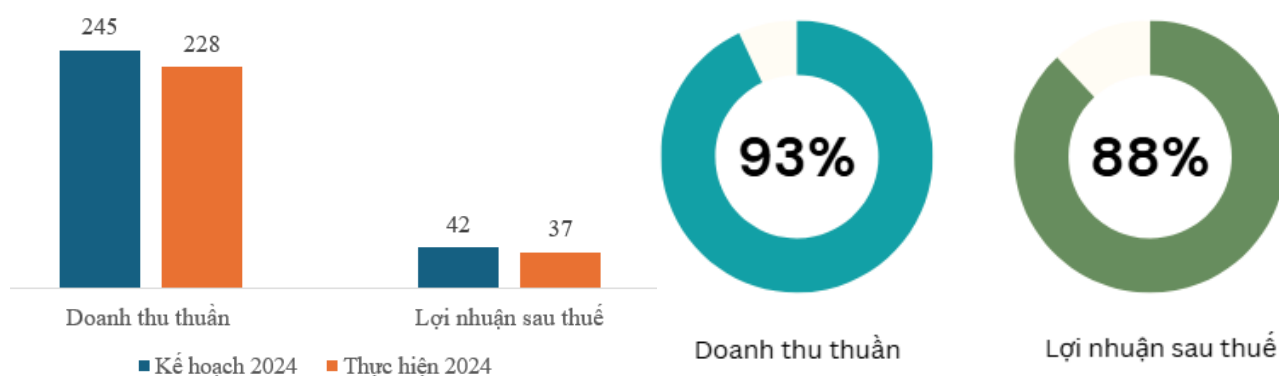
+ **Doanh thu thuần: 228 tỷ đồng**, bằng 93% so với năm 2023 và đạt 93% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).

+ **Lợi nhuận sau thuế TNDN: 37 tỷ đồng**, bằng 87% so với năm 2023 và đạt 88% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 SO VỚI KẾ HOẠCH 2024

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2024 (mức thấp) Tỷ đồng | Thực hiện năm 2024 Tỷ đồng | Tăng/ (giảm) Tỷ đồng | Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch |
|-------------------------|---|-------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| Doanh thu thuần | 245 | 228 | (17) | 93% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 42 | 37 | (5) | 88% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



- b) Các sản phẩm chủ lực với nhãn hiệu Quang Hanh, Suối Mơ tiếp tục là các nhãn hiệu ổn định, tăng trưởng của Công ty.

c) Các chỉ tiêu tài chính cụ thể:

❖ **Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm:**

Bảng 1: Doanh thu thuần qua các năm

ĐVT: tỷ VND

| | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Năm 2024 | |
|--------------------------|------------|---------------|------------|---------------|------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Doanh thu thuần bán hàng | 258 | 99,6% | 244 | 99,6% | 227 | 99,6% |
| Doanh thu khác | 1 | 0,4% | 1 | 0,4% | 1 | 0,4% |
| Tổng cộng | 259 | 100,0% | 245 | 100,0% | 228 | 100,0% |

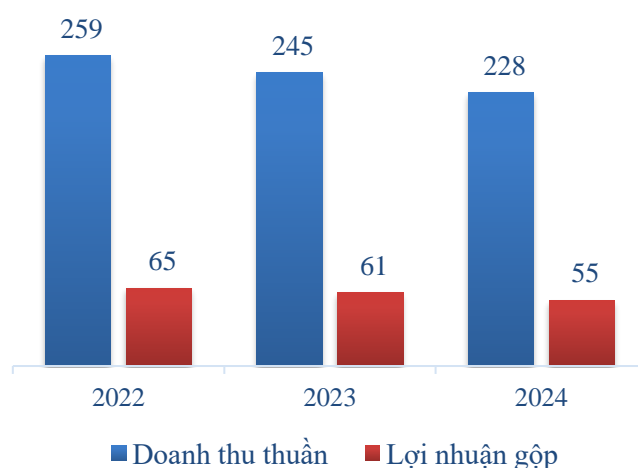
Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 2: Lợi nhuận gộp qua các năm

ĐVT: tỷ VND

| | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Năm 2024 | |
|------------------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/DTT | Giá trị | Tỷ trọng/DTT | Giá trị | Tỷ trọng/DTT |
| Lợi nhuận gộp bán hàng | 65 | 25% | 61 | 25% | 55 | 24% |
| Lợi nhuận gộp khác | - | 0% | - | 0% | - | 0% |
| Tổng cộng | 65 | 25% | 61 | 25% | 55 | 24% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp từ năm 2022 đến năm 2024 của Công ty

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính khác

Đơn vị tính: Tỷ VND

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng giảm 2024/2023 |
|---|----------|----------|----------|--------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 243 | 278 | 305 | 10% |
| Vốn chủ sở hữu | 213 | 245 | 272 | 11% |
| Doanh thu thuần | 259 | 245 | 228 | -7% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 50 | 52 | 46 | -12% |
| Kết quả từ các hoạt động khác | 0,5 | 0,4 | 0,1 | -74% |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 51 | 53 | 46 | -13% |
| Lợi nhuận sau thuế | 40 | 42 | 37 | -13% |
| Giá trị sổ sách 1 cổ phần (Vốn chủ sở hữu/cổ phần đang lưu hành)_ VND/cổ phần | 26.647 | 30.732 | 34.147 | 11% |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 16% | 17% | 16% | -1% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

2. Tổ chức và nhân sự:

- a) **Ban điều hành:** Ban điều hành Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Cụ thể:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--|-------------------|---------------|
| 1. | Nguyễn Hữu Chính <i>(thay thế cho Ông Đàm Sơn đã miễn nhiệm kể từ ngày 17/7/2024)</i> | Tổng Giám đốc | 17/7/2024 |
| 2. | Huỳnh Ngọc Bảo | Phó Tổng Giám đốc | 20/4/2016 |
| 3. | Phạm Thị Thu Hương | Kế toán trưởng | 26/12/2015 |

b) Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành:**🚩 Ông Nguyễn Hữu Chính – Tổng Giám đốc:**

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 09/3/1966.
- Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Kinh tế lao động.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: cá nhân sở hữu 6.700 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.

- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 9.200 cổ phần, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em Nguyễn Hữu Mỹ, nắm giữ: 3.000 cổ phiếu.
 - Mối quan hệ: Vợ Nguyễn Thị Mên, nắm giữ: 3.300 cổ phiếu.
 - Mối quan hệ: Em dâu Đỗ Thùy Dương, nắm giữ: 2.900 cổ phiếu.

🏆 Ông Huỳnh Ngọc Bảo – Phó Tổng Giám đốc

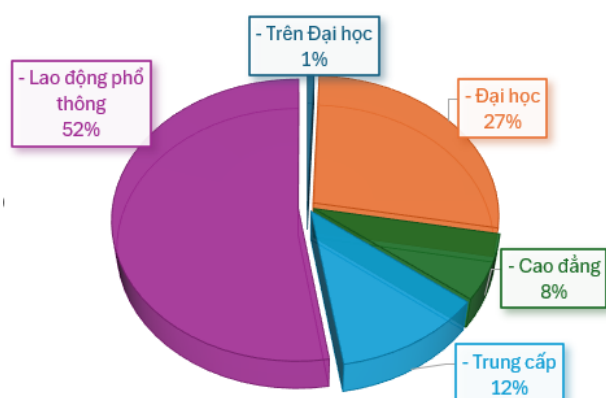
- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 29/4/1974
 - Trình độ: Kỹ sư chế tạo máy chuyên ngành tự động hóa; thạc sĩ Kỹ thuật công nghiệp và sản xuất, chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Phát Triển Năng Lực Chuỗi Cung Ứng của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

🏆 Bà Phạm Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974
 - Trình độ: Cử nhân khoa học ngành tin học, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: cá nhân sở hữu 6.900 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 200 cổ phần, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em Phạm Thị Hậu, nắm giữ: 200 cổ phiếu.

c) Chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là 158 người, bao gồm 77 nam; 81 nữ. Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn tập trung tỷ lệ lớn ở nhóm lao động có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng và lao động phổ thông, đây là nhóm lao động chính của Công ty:



| | Người | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|------------|-----------|
| Tổng số lao động | 158 | |
| - Trên Đại học | 1 | 0,63% |
| - Đại học | 43 | 27,22% |
| - Cao đẳng | 12 | 7,59% |
| - Trung cấp | 19 | 12,03% |
| - Lao động phổ thông | 83 | 52,53% |

- Chính sách đối với người lao động:

🌟 Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).
- Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm đau, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc,

🌟 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Để đáp ứng nhu cầu nhân sự tùy từng thời điểm, Công ty sẽ tuyển dụng các vị trí nhân sự cần thiết còn thiếu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch sản xuất, ưu tiên lấy nguồn nhân sự nội bộ (đề bạt) trước khi tuyển bên ngoài.
- Công ty luôn hướng đến việc đào tạo chuyên môn cho tất cả nhân viên bằng nhiều hình thức như nhân viên tự học, tự nâng cao tay nghề, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để đảm bảo mỗi nhân viên đều giỏi chuyên môn và có thể thay thế hoặc làm việc ở nhiều vị trí công việc khác nhau cùng lúc. Trong các năm trở lại đây, Công ty thực hiện chương trình tuyển dụng các kỹ sư trẻ nhằm tạo nguồn nhân lực giỏi kế thừa trong tương lai.

🌟 Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nhân sự. Việc điều chỉnh lương được Công ty xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của cán bộ công nhân viên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty có mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất một lần, khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, các chế độ thăm viếng, hiếu hỉ, các sự kiện khác diễn ra trong đời sống của cán bộ công nhân viên như: kết hôn, thai sản, sinh nhật, ốm đau,...



- Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao

động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2024, bộ phận An toàn- Sức khỏe- Môi trường ("SHE") đã tổ chức huấn luyện các lớp về an toàn lao động cần thiết và theo quy định pháp luật cho tất cả người lao động làm việc tại Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2024 không phát sinh các dự án trọng yếu hoặc các khoản đầu tư lớn.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình công nợ:

Bảng 5: Các khoản phải thu

| Chỉ tiêu | Đơn vị: VND | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 61.268.848.317 | 60.211.477.063 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 54.962.179.092 | 55.191.732.986 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 3.018.302.102 | 3.235.453.666 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 3.288.367.123 | 1.784.290.411 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 6: Các khoản phải trả

| Chỉ tiêu | Đơn vị: VND | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
| Nợ ngắn hạn | 25.233.426.028 | 26.586.792.072 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 12.494.153.377 | 16.800.689.326 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 4.469.497.151 | 3.698.879.677 |
| Chi phí phải trả | 7.989.900.380 | 5.716.743.129 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 121.975.120 | 235.579.940 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 157.900.000 | 134.900.000 |
| Nợ dài hạn | 7.771.249.000 | 5.941.915.751 |
| Phải trả người bán dài hạn | 2.771.822.000 | 1.385.910.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 4.999.427.000 | 4.556.005.751 |
| Tổng cộng | 33.004.675.028 | 32.528.707.823 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---|------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 9,56 | 10,26 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 9,24 | 9,94 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Tỷ số nợ/Tổng tài sản | % | 11,86 | 10,67 |
| - Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 13,46 | 11,94 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 22,03 | 20,81 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,94 | 0,78 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 17,21 | 16,13 |
| - Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 18,42 | 14,23 |
| - Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 16,18 | 12,63 |
| - Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần | % | 21,40 | 20,16 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 8: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: VND

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | %GTCL/NG |
|-----------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| I | TSCĐ hữu hình | 70.696.839.811 | 15.517.104.594 | 21,95% |
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 32.260.814.435 | 5.601.378.218 | 17,36% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 35.590.430.446 | 9.654.129.030 | 27,13% |
| 3 | Phương tiện vận chuyển | 2.815.231.294 | 261.597.346 | 9,29% |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 30.363.636 | - | 0,00% |
| II | TSCĐ vô hình | 18.054.278.798 | 4.526.840.637 | 25,07% |
| 1 | Quyền khai thác | 16.932.031.000 | 4.526.840.637 | 26,74% |
| 2 | Phần mềm máy vi tính | 1.122.247.798 | - | 0,00% |
| | Tổng cộng | 88.751.118.609 | 20.043.945.231 | 22,58% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần (bảng 9):

| | | |
|----|--------------------------------|---------------------|
| 1. | Tổng số lượng cổ phiếu | 8.000.000 |
| 2. | Loại cổ phiếu | Cổ phần phổ thông |
| 3. | Mã cổ phiếu | QHW |
| 3. | Mệnh giá | 10.000 đồng/cổ phần |
| 4. | Tổng giá trị theo mệnh giá | 80.000.000.000 đồng |
| 5. | Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | 7.979.400 |
| 6. | Số lượng cổ phiếu quỹ | 20.600 |

b) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần đang lưu hành của Công ty (bảng 10):

| STT | Tên cổ đông | GCNĐKKD | Địa chỉ/Trụ sở | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------|--|------------|--|------------------|--------------|
| 01 | Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage | 0312797567 | Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 5.254.100 | 65,85% |
| 02 | Tỉnh ủy Quảng Ninh | 65-QĐ/TU | Số 73 Nguyễn Văn Cừ - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh | 1.152.900 | 14,45% |
| Tổng cộng | | | | 6.407.000 | 80,3% |

c) Cổ đông sáng lập: Không có.

d) Cơ cấu cổ đông (bảng 11):

| STT | Loại cổ đông | Số lượng | Số cổ phần nắm giữ | % Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ |
|------------------|---------------------------|------------|--------------------|----------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 428 | 7.964.400 | 99,56% |
| 1 | Cá nhân | 424 | 1.318.100 | 16,49% |
| 2 | Tổ chức | 4 | 6.646.300 | 83,07% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 4 | 15.000 | 0,19% |
| 1 | Cá nhân | 4 | 15.000 | 0,19% |
| 2 | Tổ chức | 0 | 0 | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | 1 | 20.600 | 0,26% |
| Tổng cộng | | 432 | 8.000.000 | 100% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 09/9/2024 của Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh.

e) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024: không phát sinh.

f) Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2024: không phát sinh.

g) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam.

Ngày 20/12/2023, Tập đoàn Masan chính thức thành lập Ủy ban ESG (Environment – Social – Corporate Governance: Ủy ban Môi trường, Xã

hội và Quản trị), tiên phong đưa ESG vào chiến lược phát triển kinh doanh để tăng trưởng bền vững áp dụng cho tất cả các Công ty thành viên trong đó có Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh với yêu cầu cao về việc quan tâm môi trường và cộng đồng.



a. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 1.325 tCO₂e.
- Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
 - Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời việc sử dụng không hợp lý.
 - Công ty đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2018 số VCA.074.2A ngày 22/11/2024 và hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2028.
 - Kiểm soát nghiêm ngặt và thực hiện quan trắc nguồn khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn của QCVN 19:2009/BTNMT.
 - Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất.
 - Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường.
 - Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
 - Lắp đặt các quạt công nghiệp, quạt thông gió tại khu vực sản xuất, tạo sự thông thoáng trong nhà xưởng.
 - Các phương tiện giao thông ra vào Công ty phải giảm tốc độ và đậu đúng vị trí quy định. Khi bốc dỡ hàng hóa, yêu cầu lái xe phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại vật liệu xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2024: 3.811 tấn.
- Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được đáp ứng theo tiêu chuẩn của Công ty. Các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được Phòng Quản lý chất lượng của Công ty kiểm tra,

thâm định chất lượng. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các bộ phận sản xuất, cung ứng thông qua các báo cáo hàng ngày, hàng tuần như báo cáo nhập xuất tồn nguyên liệu, tiêu hao so với định mức, cân đối nguyên liệu sản xuất – thành phẩm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm, không thất thoát.

c. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 10.005.600 MJ/năm.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm 2024 Công ty thực hiện ứng dụng các đề tài, sáng kiến cải tiến để tiết kiệm năng lượng.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm điện và nước trong sinh hoạt và sản xuất.

d. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước sạch (để sinh hoạt) và nguồn nước khoáng, nước khai thác dưới đất (để sản xuất). Tổng lượng nước sử dụng là 75.013 m³.
- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 9.584 m³, tỷ lệ 13%.

e. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

f. Chính sách liên quan đến người lao động: đã trình bày tại mục 2.II.

g. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2024, Công ty có ủng hộ nhân dịp Tết Nguyên đán: Hội người mù tỉnh Quảng Ninh, Hội người mù TP Hạ Long, Hội người mù Phường Bãi cháy, Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ninh, Hội nạn nhân chất độc da cam TP Hạ Long, Hội nạn nhân chất độc da cam phường Bãi cháy, Cơ sở bảo trợ trẻ em khuyết tật Quảng Ninh; thăm hỏi động viên tặng quà các hộ gia đình thiệt hại trong cơn bão Yagi với tổng số tiền lên đến 200 triệu đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

- Năm 2024 Công ty đã đầu tư cải tạo kho thành phẩm, sàn chứa bao bì nguyên vật liệu tại nhà máy Quang Hanh; bảo dưỡng thay thế Hệ thống lọc RO 20m³ tại nhà máy Suối Mơ tiết giảm chi phí điện, nước đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường.
- Trong năm 2024, Công ty đầu tư lắp đặt Hệ thống dây chuyền tự động sản xuất Bình 20L tại nhà máy Suối Mơ (công suất 1.000 bình/giờ) hiện đang trong giai đoạn vận hành chuyển giao cho nhà máy.
- Công ty luôn chủ động bố trí sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có kết hợp sử dụng lao động 3P trong các tháng cao điểm mùa hè, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa cho thị trường, giảm chi phí giá thành sản xuất.

- Tập thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty luôn nỗ lực, đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao mức cao nhất. Cán bộ công nhân viên Công ty luôn chủ động tìm tòi, học hỏi để tiết kiệm mọi chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt được như sau:**
 - + **Doanh thu thuần: 228 tỷ đồng**, bằng 93% so với năm 2023 và đạt 93% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).
 - + **Lợi nhuận sau thuế: 37 tỷ đồng**, bằng 87% so với năm 2023 và đạt 88% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).
 - + Sản lượng tiêu thụ: 49,69 triệu lít, bằng 99% so với năm 2023.

2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2024

- Trong năm 2024, Ban điều hành đã tập trung tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các quy định, yêu cầu khác của Tập Đoàn, Khối sản xuất của Tập đoàn.
- Chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng sản xuất thực hiện tốt kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2025

- Công ty bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 trong điều kiện diễn biến phức tạp của thời tiết, sự cạnh tranh gay gắt của thị trường tiêu thụ, sự biến động khó lường của nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và sự biến động của thương mại toàn cầu do tác động của chiến tranh khu vực Trung Đông và Châu Âu. Do đó, Ban điều hành Công ty sẽ cân nhắc mục tiêu, kế hoạch năm 2025 và trình bày chi tiết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
- Năm 2025, Công ty tiếp tục nghiên cứu các giải pháp để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đầu vào cho sản xuất, đẩy nhanh các dự án được phê duyệt theo kế hoạch đã đề ra. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu:
 - 🚦 Tập trung đầu tư lắp đặt Hệ giám sát soi chai, date thành phẩm bằng hệ thống Camera và hệ Block/chai đóng thùng tự động nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Tiếp tục tìm các giải pháp tổ chức lại sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - 🚦 Tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình OMS theo bảy (7) Pillar nhằm tạo dựng một Hệ thống sản xuất chất lượng đáp ứng các yêu cầu phát triển trong mục tiêu chung của khối nhà máy trong toàn MCH. Tổ chức thực hiện kế hoạch, biện pháp bảo vệ môi trường do Ủy ban ESG - Tập đoàn Masan triển khai. Xây dựng chiến lược sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng cùng kế hoạch sử dụng các máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất. Xây dựng và thực hiện các giải pháp cụ thể theo từng nhà máy để tiết giảm năng lượng và phát thải khí nhà kính trong năm 2025.
 - 🚦 Các phòng ban, phân xưởng sản xuất bám sát KPIs của Công ty để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- ✚ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... trong điều kiện hiện có của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy chữa cháy,... và không xảy ra bất cứ sự cố vi phạm trọng yếu nào.
- Với bối cảnh tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn và từng bước hồi phục, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 được ghi nhận và đánh giá tích cực đối với chỉ tiêu về doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế, cụ thể như sau:
 - Doanh thu thuần: 228 tỷ đồng, bằng 93% so với năm 2023 và đạt 93% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).
 - Lợi nhuận sau thuế: 37 tỷ đồng, bằng 87% so với năm 2023 và đạt 88% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp).

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024

- ✚ Trong năm, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:
 - Giám sát, chỉ đạo sát sao Ban điều hành thực hiện công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu của việc sản xuất kinh doanh.
- ✚ Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 duyệt thù lao hoạt động như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 30.000.000 đồng/tháng.
 - Thành viên Hội đồng Quản trị: 20.000.000 đồng/tháng/người.
 - Do có một số thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thù lao nên tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2024 là 340.000.000 đồng. Chi tiết mức thù lao ghi nhận tại mục 3 Phần V Quản trị Công ty.
- ✚ Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ mỗi quý và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. 100% cuộc họp đều được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục với sự tham gia đầy đủ, tích cực, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Năm 2024 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn do giá nguyên liệu tiếp tục tăng cao và thị trường tiêu thụ ngành giải khát cạnh tranh khốc liệt, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường.
- Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định

hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.

4. Mục tiêu và kế hoạch cần thực hiện trong năm 2025:

- Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2025 đang được Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cân nhắc dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các yếu tố tác động của thị trường kinh tế, sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho Công ty để tăng doanh thu.
- Tiếp tục các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động; tiết giảm chi phí trong vận hành.
- Tiếp tục đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,... trong sản xuất và duy trì chiến lược phát triển bền vững.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng Quản trị:

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị* tính đến thời điểm 31/12/2024: gồm 06 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm (2020 – 2025):

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|--|-------------------------------|---------------|-----------------|
| 1. | Ông Nguyễn Thiệu Nam | Chủ tịch HĐQT không điều hành | 22/6/2020 | - |
| 2. | Ông Đàm Sơn | TV HĐQT không điều hành | 22/6/2020 | - |
| 3. | Ông Trần Tuấn Cường | TV độc lập HĐQT | 22/6/2020 | - |
| 4. | Ông Trần Phương Bắc | TV độc lập HĐQT | 22/6/2020 | - |
| 5. | Ông Huỳnh Việt Thăng | TV độc lập HĐQT | 22/6/2020 | - |
| 6. | Ông Lê Đình Tuấn (<i>thay thế cho Ông Dương Mạnh Cường đã miễn nhiệm từ ngày 05/4/2024</i>) | TV độc lập HĐQT | 05/4/2024 | - |

Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch HĐQT

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần tập đoàn Baltic Titan;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;
- Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương;
- Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị Công ty CP Masan High-Tech Materials;

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;
- Chủ tịch Công ty TNHH Masan Master Brewer;
- Chủ tịch Công ty TNHH Masan Brewery MB;
- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Masan Brewery;
- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Vonfram Masan;
- Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty TNHH Nông Nghiệp Đồng Nai – Wineco;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Và Phát Triển Nông Nghiệp Wineco – Tam Đảo.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Masan;
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: Không có.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.

👤 Ông Đàm Sơn – Thành viên Hội đồng Quản trị:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 22/07/1959
 - Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa XN
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.000 cổ phiếu, tỷ lệ 0,04%.
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu; Cổ phần cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phiếu.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có.
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 8.700 cổ phiếu, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em – Đàm Thị Bích Thu, nắm giữ: 6.600 cổ phiếu.
 - Mối quan hệ: Con – Đàm Thị Thu Giang, nắm giữ: 100 cổ phiếu
 - Mối quan hệ: Em dâu – Mai Thu Hương, nắm giữ: 2.000 cổ phiếu.

👤 Ông Trần Phương Bắc – Thành viên Hội đồng quản trị:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 25/01/1974
 - Trình độ: Thạc sĩ Luật
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Farm);
 - Giám đốc Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP thực phẩm Cholimex;
 - Chủ tịch Công ty TNHH MNS Farm;
 - Chủ tịch Công ty TNHH MNS Meat Processing;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần The CrownX;
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dr. Win;
 - Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Zenith Investment;
 - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Masan Agri;
 - Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần The Supra;
 - Luật sư trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin; Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
 - ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
 - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

🏠 Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên Hội đồng Quản trị:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 14/08/1973
 - Trình độ: Đại học
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Bột giặt NET;
 - Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Masan MEATLife;
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

🏠 Ông Trần Tuấn Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 08/10/1974
 - Trình độ: Đại học
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Kinh doanh toàn quốc Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan

- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

✚ Ông Lê Đình Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị (kể từ ngày 05/4/2024):

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 22/02/1976
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 1.152.900 cổ phần, chiếm 14,45 % vốn cổ phần đang lưu hành.
Trong đó:
 - Cổ phần đại diện sở hữu cho Tỉnh ủy Quảng Ninh: 1.152.900 cổ phần.
 - Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có.
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:** HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) **Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị ban hành tổng cộng các Nghị quyết, Quyết định để thông qua các nội dung sau:
 - Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
 - Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.
 - Bổ nhiệm Ông Lê Đình Tuấn giữ chức vụ Thành viên Ủy ban kiểm toán thay cho ông Dương Mạnh Cường do không còn là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.
 - Phê duyệt ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.
 - Phê duyệt thay đổi Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Chính giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
 - Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền.
 - Phê duyệt sơ đồ tổ chức Công ty.
- Năm 2024, không phát sinh giao dịch liên quan giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Ủy ban kiểm toán:

- a) **Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán** tính đến thời điểm 31/12/2024 gồm 02 thành viên, là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị. Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và không điều hành. Hội đồng Quản trị xác định năng lực của các thành viên, năng lực, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|--|------------|---------------|-----------------|
| 1. | Ông Huỳnh Việt Thăng | Chủ tịch | 09/4/2021 | - |
| 2. | Lê Đình Tuấn (<i>thay thế cho Ông Dương Mạnh Cường đã miễn nhiệm từ ngày 05/4/2024</i>) | Thành viên | 05/4/2024 | - |

b) **Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2024:**

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.
- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập.
- Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung sau:
 - Hợp thống nhất kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh năm 2024.
 - Hợp đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2024; đánh giá về việc lập Báo cáo tài chính kết thúc năm 2023; có ý kiến đối với các giao dịch liên quan mà Công ty đã thực hiện trong năm 2024; giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích có liên quan.
- Năm qua, Ủy ban kiểm toán đánh giá Ban điều hành thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị và các quy định khác của Pháp luật.

- Các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị được ban hành phù hợp thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, nội dung Nghị quyết, Quyết định tuân thủ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật và kịp thời đáp ứng hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc:

a) **Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị**, thành viên Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm 2024 như sau:

| STT | Thành viên | Chức danh | Thù lao (VND) |
|--|---|--|----------------------|
| I. Hội đồng Quản trị (Ủy ban kiểm toán) | | | |
| 1. | Ông Nguyễn Thiều Nam | Chủ tịch HĐQT | 0 |
| 2. | Ông Đàm Sơn (từ tháng 8-12/2024) | Thành viên HĐQT | 100.000.000 |
| 3. | Ông Huỳnh Việt Thăng | Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán | 0 |
| 4. | Ông Trần Tuấn Cường | Thành viên HĐQT | 0 |
| 5. | Ông Trần Phương Bắc | Thành viên HĐQT | 0 |
| 6. | Ông Dương Mạnh Cường (đến 05/4/2024) | Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán | 60.000.000 |
| 7. | Ông Lê Đình Tuấn (từ 05/4/2024) | Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán | 180.000.000 |
| Tổng cộng: | | | 340.000.000 |
| II. Tổng Giám đốc | | | |
| 1. | Ông Đàm Sơn (đến 17/7/2024) | Tổng Giám đốc | 904.593.328 |
| 2. | Ông Nguyễn Hữu Chính (từ 17/7/2024) | Tổng Giám đốc | 1.190.192.635 |
| Tổng cộng: | | | 2.094.785.963 |

Ghi chú: Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm Ông Nguyễn Thiều Nam, Ông Huỳnh Việt Thăng, Ông Trần Tuấn Cường, Ông Trần Phương Bắc có văn bản không nhận thù lao hoạt động.

b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** không phát sinh trong năm 2024.

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:**

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND) |
|------|---|------------------------------------|--|---|---|
| 1. | Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | Tổ chức liên quan của người nội bộ | 0302017440, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2000 | Số 23 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM | Bán hàng hóa và dịch vụ: 227.983.745.422 Mua hàng hóa: 107.519.655 |
| 2. | Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution | Tổ chức liên quan của người nội bộ | 0313132445, cấp ngày 09/02/2015 tại TP. HCM | Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM | Mua hàng hóa: 32.580.000 |
| 3. | Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa | Tổ chức liên quan của Công ty | 3600261626, cấp ngày 29/12/2004 tại Đồng Nai | Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | Bán hàng hóa: 189.190.674 |
| 4. | Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo | Tổ chức liên quan của Công ty | 3400178402, cấp ngày 09/3/1995 tại Bình Thuận | Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận | Mua hàng hóa và dịch vụ: 235.845.630 Bán hàng hóa: 2.963.611 |
| 5. | Công ty Cổ phần Mobicast | Tổ chức liên quan của người nội bộ | 0107591436 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 07/10/2015 | Tầng 4, V1 Home City, 177 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội | Mua dịch vụ: 44.894.127 |
| 6. | Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce | Tổ chức liên quan của người nội bộ | 0104918404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2010 | Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM | Mua hàng hóa: 1.002.908 |

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty duy trì việc đáp ứng và thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán:



**Công ty Cổ phần Nước khoáng
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|-------------------------------|
| Ông Nguyễn Thiều Nam | Chủ tịch |
| Ông Đàm Sơn | Thành viên |
| Ông Trần Phương Bắc | Thành viên |
| Ông Trần Tuấn Cường | Thành viên |
| Ông Huỳnh Việt Thăng | Thành viên |
| Ông Lê Đình Tuấn | Thành viên |
| | (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Dương Mạnh Cường | Thành viên |
| | (đến ngày 4 tháng 4 năm 2024) |

Ủy ban Kiểm toán

| | |
|----------------------|-------------------------------|
| Ông Huỳnh Việt Thăng | Chủ tịch |
| Ông Lê Đình Tuấn | Thành viên |
| | (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Dương Mạnh Cường | Thành viên |
| | (đến ngày 4 tháng 4 năm 2024) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Chính | Tổng Giám đốc |
| | (từ ngày 17 tháng 7 năm 2024) |
| | Phó Tổng Giám đốc |
| | (đến ngày 16 tháng 7 năm 2024) |
| Ông Đàm Sơn | Tổng Giám đốc |
| | (đến ngày 16 tháng 7 năm 2024) |
| Ông Huỳnh Ngọc Bảo | Phó Tổng Giám đốc |

Trụ sở đăng ký

Tổ 3A, Khu 4
Phố Suối Mơ
Phường Bãi Cháy
Thành phố Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

100
CI
CƠ
NH

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



(Handwritten signature)

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 24 tháng 2 năm 2025

1120

11 NI

IG T

(PI

10 H



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

007
NH
TNH
3
HUY



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01291-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 272.711.003.883 | 241.273.127.993 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 106.034.570.914 | 53.377.563.144 |
| Tiền | 111 | | 534.570.914 | 1.377.563.144 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 105.500.000.000 | 52.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 97.500.000.000 | 118.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5 | 97.500.000.000 | 118.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 60.211.477.063 | 61.268.848.317 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | 6 | 55.191.732.986 | 54.962.179.092 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 3.235.453.666 | 3.018.302.102 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 1.784.290.411 | 3.288.367.123 |
| Hàng tồn kho | 140 | 7 | 8.566.864.918 | 8.065.414.393 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 8.598.859.290 | 8.094.913.825 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (31.994.372) | (29.499.432) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 398.090.988 | 561.302.139 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 373.277.299 | 561.302.139 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 24.813.689 | - |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260) | 200 | | 32.292.155.521 | 36.958.232.141 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 812.717.000 | 812.717.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 812.717.000 | 812.717.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 20.043.945.231 | 24.955.056.100 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 15.517.104.594 | 19.837.757.990 |
| Nguyên giá | 222 | | 70.696.839.811 | 71.637.778.142 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (55.179.735.217) | (51.800.020.152) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 4.526.840.637 | 5.117.298.110 |
| Nguyên giá | 228 | | 18.054.278.798 | 18.054.278.798 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (13.527.438.161) | (12.936.980.688) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 3.503.600.000 | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 10 | 3.503.600.000 | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.931.893.290 | 11.190.459.041 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 7.184.689.702 | 10.381.680.298 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 12 | 747.203.588 | 808.778.743 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 305.003.159.404 | 278.231.360.134 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 32.528.707.823 | 33.004.675.028 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 26.586.792.072 | 25.233.426.028 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 16.800.689.326 | 12.494.153.377 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 13 | 3.698.879.677 | 4.469.497.151 |
| Chi phí phải trả | 315 | 14 | 5.716.743.129 | 7.989.900.380 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 235.579.940 | 121.975.120 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 134.900.000 | 157.900.000 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 5.941.915.751 | 7.771.249.000 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 1.385.910.000 | 2.771.822.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 15 | 4.556.005.751 | 4.999.427.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 272.474.451.581 | 245.226.685.106 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 16 | 272.474.451.581 | 245.226.685.106 |
| Vốn cổ phần | 411 | 17 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 17 | 176.083.000 | 176.083.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 17 | (247.200.000) | (247.200.000) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 192.545.568.581 | 165.297.802.106 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 155.722.522.106 | 123.124.763.816 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước | 421b | | 36.823.046.475 | 42.173.038.290 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 305.003.159.404 | 278.231.360.134 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 228.293.562.552 | 245.031.897.835 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 20 | - | 16.051.560 |
| Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | 10 | 20 | 228.293.562.552 | 245.015.846.275 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 21 | 173.050.028.095 | 183.877.935.970 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 55.243.534.457 | 61.137.910.305 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 7.891.651.321 | 11.911.543.084 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 98.997.500 | 48.842.500 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 3.883.426.025 | 4.284.717.220 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 23 | 13.130.624.717 | 16.277.824.063 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 46.022.137.536 | 52.438.069.606 |
| Thu nhập khác | 31 | | 92.746.908 | 359.773.180 |
| Chi phí khác | 32 | | 861.080 | 1.255.939 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 91.885.828 | 358.517.241 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 46.114.023.364 | 52.796.586.847 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 25 | 9.229.401.734 | 10.701.611.470 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 25 | 61.575.155 | (78.062.913) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 36.823.046.475 | 42.173.038.290 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | 4.615 | 5.285 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2024 VND | 2023 VND |
|--|--------------|-----------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 46.114.023.364 | 52.796.586.847 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 5.030.215.975 | 5.422.301.911 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (244.491.080) | (36.229.138) |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 5.880.000 | 4.462.500 |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | (7.920.908.821) | (12.180.418.993) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 42.984.719.438 | 46.006.703.127 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản khác | 09 | (510.804.849) | 51.777.961 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (700.380.694) | 495.655.177 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (812.869.511) | 3.054.506.998 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 4.307.780.938 | 3.816.049.315 |
| | | 45.268.445.322 | 53.424.692.578 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (9.527.629.088) | (9.157.779.056) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (23.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 35.717.816.234 | 44.266.913.522 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (3.408.605.997) | (3.149.982.389) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 90.000.000 | 354.590.909 |
| Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 23 | (317.000.000.000) | (259.000.000.000) |
| Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 24 | 337.500.000.000 | 161.000.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 9.334.985.533 | 8.957.803.427 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 26.516.379.536 | (91.837.588.053) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2024 VND | 2023 VND |
|---|--------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (9.577.188.000) | (9.572.202.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (9.577.188.000) | (9.572.202.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 52.657.007.770 | (57.142.876.531) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 53.377.563.144 | 110.520.439.675 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4) | 70 | 106.034.570.914 | 53.377.563.144 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 158 nhân viên (1/1/2024: 181 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 534.570.914 | 1.377.563.144 |
| Các khoản tương đương tiền | 105.500.000.000 | 52.000.000.000 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 106.034.570.914 | 53.377.563.144 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|------------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 97.500.000.000 | 118.000.000.000 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | 55.185.779.941 | 54.943.741.944 |
| Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa | - | 9.420.154 |
| | 55.185.779.941 | 54.943.741.944 |

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|--------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên vật liệu | 5.627.120.823 | (31.994.372) | 6.297.687.005 | (16.492.474) |
| Công cụ và dụng cụ | 2.901.407.974 | - | 1.783.554.187 | - |
| Thành phẩm | 70.330.493 | - | 13.672.633 | (13.006.958) |
| | 8.598.859.290 | (31.994.372) | 8.094.913.825 | (29.499.432) |

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | 2024 | 2023 |
|------------------------------|---------------|--------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 29.499.432 | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | 198.930.169 | 68.159.862 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (196.435.229) | (38.660.430) |
| | 31.994.372 | 29.499.432 |

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 32 triệu VND (1/1/2024: 29 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 32.671.760.054 | 35.894.489.340 | 3.000.231.294 | 71.297.454 | 71.637.778.142 |
| Tăng trong năm | - | 119.105.106 | - | - | 119.105.106 |
| Thanh lý | - | (423.164.000) | (185.000.000) | (40.933.818) | (649.097.818) |
| Xoá sổ | (410.945.619) | - | - | - | (410.945.619) |
| Số dư cuối năm | 32.260.814.435 | 35.590.430.446 | 2.815.231.294 | 30.363.636 | 70.696.839.811 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 26.005.328.163 | 23.128.062.109 | 2.595.332.426 | 71.297.454 | 51.800.020.152 |
| Khấu hao trong năm | 1.065.053.673 | 3.231.403.307 | 143.301.522 | - | 4.439.758.502 |
| Thanh lý | - | (423.164.000) | (185.000.000) | (40.933.818) | (649.097.818) |
| Xoá sổ | (410.945.619) | - | - | - | (410.945.619) |
| Số dư cuối năm | 26.659.436.217 | 25.936.301.416 | 2.553.633.948 | 30.363.636 | 55.179.735.217 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 6.666.431.891 | 12.766.427.231 | 404.898.868 | - | 19.837.757.990 |
| Số dư cuối năm | 5.601.378.218 | 9.654.129.030 | 261.597.346 | - | 15.517.104.594 |

Trong tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 35.643 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 31.014 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

19

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền khai thác nước khoáng VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng VND |
|---------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 16.932.031.000 | 1.122.247.798 | 18.054.278.798 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 11.814.732.890 | 1.122.247.798 | 12.936.980.688 |
| Khấu hao trong năm | 590.457.473 | - | 590.457.473 |
| Số dư cuối năm | 12.405.190.363 | 1.122.247.798 | 13.527.438.161 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 5.117.298.110 | - | 5.117.298.110 |
| Số dư cuối năm | 4.526.840.637 | - | 4.526.840.637 |

Trong tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản cố nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | VND |
|---------------------------------------|---------------|
| Số dư đầu năm | - |
| Tăng trong năm | 4.426.365.502 |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (922.765.502) |
| Số dư cuối năm | 3.503.600.000 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---------------------|---------------------------|-------------------------|
| Máy móc và thiết bị | 3.494.400.000 | - |
| Khác | 9.200.000 | - |
| | 3.503.600.000 | - |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí giải phóng mặt bằng VND | Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|---|--|--|-------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 2.189.784.853 | 6.268.742.310 | 1.923.153.135 | 10.381.680.298 |
| Tăng trong năm | - | - | 652.815.513 | 652.815.513 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 922.765.502 | 922.765.502 |
| Phân bổ trong năm | (224.593.317) | (3.134.371.153) | (1.413.607.141) | (4.772.571.611) |
| Số dư cuối năm | 1.965.191.536 | 3.134.371.157 | 2.085.127.009 | 7.184.689.702 |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuần

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|-----------------------|---------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Chi phí phải trả và dự phòng | 1.097.401.150 | 999.885.400 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | |
| Tài sản cố định | (350.197.562) | (191.106.657) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần | 747.203.588 | 808.778.743 |

001
 CT
 CÔT
 NH

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2024 VND | Phát sinh VND | Nộp VND | Khấu trừ/Hoàn lại VND | 31/12/2024 VND |
|----------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 381.720.031 | 18.299.018.796 | (7.650.257.125) | (11.030.481.702) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.570.244.079 | 9.229.401.734 | (9.527.629.088) | - | 3.272.016.725 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 74.470.003 | 1.136.055.010 | (836.009.744) | (344.066.381) | 30.448.888 |
| Thuế tài nguyên | 438.945.529 | 6.706.511.802 | (6.753.125.177) | - | 392.332.154 |
| Các loại thuế khác | 4.117.509 | 1.237.422.542 | (1.237.458.141) | - | 4.081.910 |
| | 4.469.497.151 | 36.608.409.884 | (26.004.479.275) | (11.374.548.083) | 3.698.879.677 |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Chi phí phải trả

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Thưởng và lương tháng 13 | 4.378.140.287 | 7.675.532.134 |
| Chi phí khác | 1.338.602.842 | 314.368.246 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 5.716.743.129 | 7.989.900.380 |

15. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 4.999.427.000 | 5.103.816.000 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (443.421.249) | (104.389.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 4.556.005.751 | 4.999.427.000 |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------------------|---|---------------------------------|--|---------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 80.000.000.000 | 176.083.000 | (247.200.000) | 132.700.043.816 | 212.628.926.816 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 42.173.038.290 | 42.173.038.290 |
| Cổ tức (Thuyết minh 18) | - | - | - | (9.575.280.000) | (9.575.280.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 80.000.000.000 | 176.083.000 | (247.200.000) | 165.297.802.106 | 245.226.685.106 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 36.823.046.475 | 36.823.046.475 |
| Cổ tức (Thuyết minh 18) | - | - | - | (9.575.280.000) | (9.575.280.000) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 80.000.000.000 | 176.083.000 | (247.200.000) | 192.545.568.581 | 272.474.451.581 |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2024 và 1/1/2024 | |
|---|------------------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 80.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 20.600 | 247.200.000 |
| Vốn cổ phần hiện đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 7.979.400 | 79.794.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | | 176.083.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 5 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2023: 9.575 triệu VND).

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm | 1.885.002.096 | 1.582.156.920 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 2.191.460.521 | 1.299.245.280 |
| Sau năm năm | 1.290.817.463 | 1.459.997.202 |
| | 5.367.280.080 | 4.341.399.402 |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 16.175.362.816 | 279.633.776 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 6.968.164.151 | 4.634.230.789 |
| | <hr/> 23.143.526.967 | <hr/> 4.913.864.565 |

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 228.293.562.552 | 245.031.897.835 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | - | 16.051.560 |
| | <hr/> 228.293.562.552 | <hr/> 245.015.846.275 |

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp | 172.851.097.926 | 183.809.776.108 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 198.930.169 | 68.159.862 |
| | <hr/> 173.050.028.095 | <hr/> 183.877.935.970 |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.830.908.821 | 11.825.828.084 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 60.742.500 | 85.715.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 7.891.651.321 | 11.911.543.084 |

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Chi phí nhân viên | 7.573.989.145 | 11.001.601.452 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 252.338.719 | 252.338.719 |
| Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin | 186.360.567 | 174.815.273 |
| Chi phí khác | 5.117.936.286 | 4.849.068.619 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 13.130.624.717 | 16.277.824.063 |

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------|---------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 129.070.025.681 | 135.930.722.669 |
| Chi phí nhân viên | 35.073.794.962 | 41.765.260.349 |
| Chi phí khấu hao | 5.030.215.975 | 5.422.301.911 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.516.878.049 | 14.050.260.309 |
| Chi phí khác | 8.373.164.170 | 7.271.932.015 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

| | 2024 | 2023 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 9.229.401.734 | 10.701.611.470 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 61.575.155 | (78.062.913) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.290.976.889 | 10.623.548.557 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2024 | 2023 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 46.114.023.364 | 52.796.586.847 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 9.222.804.673 | 10.559.317.369 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 68.172.216 | 64.231.188 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.290.976.889 | 10.623.548.557 |

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 36.823.046.475 | 42.173.038.290 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2024 Cổ phiếu | 2023 Cổ phiếu |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm | 7.979.400 | 7.979.400 |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.615 | 5.285 |

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-----------------|
| | 2024 VND | 2023 VND |
| <i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i> | | |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 227.983.745.422 | 244.886.322.986 |
| Mua hàng hóa | 107.519.655 | 86.863.312 |
| <i>Công ty mẹ</i> | | |
| Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage | | |
| Cổ tức | 6.304.920.000 | 6.304.920.000 |
| <i>Các bên liên quan khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo | | |
| Bán hàng hóa | 2.963.611 | - |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 235.845.630 | 1.536.523.232 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce | | |
| Mua hàng hóa | 1.002.908 | 55.537.392 |
| Công ty Cổ phần Mobicast | | |
| Mua dịch vụ | 44.894.127 | 43.982.255 |
| Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa | | |
| Bán hàng hóa | 189.190.674 | 8.563.776 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution | | |
| Mua hàng hóa | 32.580.000 | - |
| Thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Thù lao | 2.678.258.347 | 4.093.961.662 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán, và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

| Tên | Chức vụ | 2024 VND | 2023 VND |
|--------------------------|---|---------------|---------------|
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Nguyễn Thiệu Nam | Chủ tịch | - | - |
| Ông Đàm Sơn | Thành viên | 100.000.000 | - |
| Ông Trần Phương Bắc | Thành viên | - | - |
| Ông Trần Tuấn Cường | Thành viên | - | - |
| Ông Huỳnh Việt Thắng | Thành viên | - | - |
| Ông Lê Đình Tuấn | (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) Thành viên | 180.000.000 | - |
| Ông Dương Mạnh Cường | (đến ngày 4 tháng 4 năm 2024) Thành viên | 60.000.000 | 180.000.000 |
| Ông Nguyễn Chí Thành | (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023) | - | 60.000.000 |
| Ủy ban Kiểm toán | | | |
| Ông Huỳnh Việt Thắng | Chủ tịch | - | - |
| Ông Lê Đình Tuấn | (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) Thành viên | - | - |
| Ông Dương Mạnh Cường | (đến ngày 4 tháng 4 năm 2024) Thành viên | - | - |
| Ban Giám đốc | | | |
| Ông Nguyễn Hữu Chính | Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 7 năm 2024) | 1.190.192.635 | - |
| Ông Đàm Sơn | Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 7 năm 2024) | 904.593.328 | 1.987.298.940 |

28. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THIỀU NAM